

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2019

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Nguyễn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T- Sinh năm: 1996

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tiến D- Sinh năm: 1991

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2019 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Phan Thị Thu T trình bày: Chị và anh Trần Tiến D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 05 tháng 11 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh D không quan tâm gì đến vợ con khiến tình cảm

vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị T là mong muốn được ly hôn với anh D để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh D có 01 con chung, tên là Trần Đình K, sinh ngày 23/9/2017. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh D không có tài sản chung, không vay tài sản của ai cũng như không cho ai vay tài sản của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh D nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Q và theo lời khai của ông Trần Trọng A (Bố đẻ của anh D) cho thấy: Gia đình anh D đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh D đều không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Ông A còn cho biết, sau các lần Tòa án gửi các văn bản tố tụng, bà Trần Thị Hợi (Mẹ đẻ của anh D) đã trực tiếp nhận và điện thoại báo cho anh D. Song, do điều kiện công việc nên anh D không thể chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Qua trao đổi với gia đình thì ông A cho biết anh D có nguyện vọng mong muốn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết vụ án vắng mặt anh. Về các nội dung liên quan đến vụ án, anh D và đại diện gia đình (Ông A) thống nhất với trình bày của chị T về quan hệ tình cảm, con chung và tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 15/10/2019, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh D, tuy nhiên, do anh D vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh D đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 31/10/2019, đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh D, nhưng tại phiên tòa anh D vẫn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Tiến D, xử cho chị T ly hôn với anh D. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đình K, buộc anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, do chị T và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét về các vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Thu T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Tiến D; anh D có nơi cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Về sự vắng mặt của anh Trần Tiến D tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Thu T và anh Trần Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh D không quan tâm gì đến vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh D.

Đối với anh Trần Tiến D, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng đầy đủ, anh biết rõ việc chị T làm đơn xin ly hôn với mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phan Thị Thu T được ly hôn đối với anh Trần Tiến D là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, chị Phan Thị Thu T và anh Trần Tiến D có 01 con chung, tên là Trần Đình K, sinh ngày 23/9/2017. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng và phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận, giao con cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh Trần Tiến D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Theo trình bày của chị Thủy, kết quả xác minh và trình bày đại diện gia đình anh D cho thấy vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay tài sản của ai cũng như không cho ai vay tài sản của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Phan Thị Thu T, anh Trần Tiến D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Tiến D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Thu T, xử cho chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Tiến D.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phan Thị Thu T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Đình K, sinh ngày 23/9/2017. Buộc anh Trần Tiến D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phan Thị Thu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002465 ngày 05 tháng 7 năm 2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trần Tiến D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước. Anh Trần Tiến D chưa nộp đủ án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

